



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

**BẢO MINH**

Call Center: 1800 - 588812

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Tp.HCM - ĐT: 028 3829 4180 - Fax: 028 3829 4185 - Email: baominh@baominh.com.vn - Website: www.baominh.com.vn

Số: 2456 /2023-BM/TSKT

TP. HCM, ngày 27 tháng 10 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

V/v: Ban hành Quy tắc Bảo Hiểm Trách Nhiệm Sản Phẩm Cho Gian Hàng Trên Nền Tảng Thương Mại Điện Tử

### TỔNG GIÁM ĐỐC

- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 27GP/KDBH ngày 08/09/2004 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc thành lập Tổng công ty cổ phần Bảo Minh;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh được ban hành theo Quyết định số 1015/2022-BM/HĐQT ngày 03/06/2022 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty cổ phần Bảo Minh;
- Theo đề nghị của Giám đốc Ban Bảo hiểm Tài sản & Kỹ thuật - Tổng công ty cổ phần Bảo Minh.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành Quy tắc Bảo Hiểm Trách Nhiệm Sản Phẩm Cho Gian Hàng Trên Nền Tảng Thương Mại Điện Tử kèm theo quyết định này.

Tên thương mại là: BẢO MINH - BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM CHO GIAN HÀNG TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ – 2023

(BAOMINH- MERCHANT'S LIABILITY INSURANCE FOR ALL TYPE OF PRODUCTS ON E-COMMERCE – 2023)

Mã điều khoản: BAOMINH-MC.010-TNH

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 27/10/2023 và được áp dụng thống nhất trong hệ thống Tổng công ty cổ phần Bảo Minh.

Các Quyết định ban hành trước đây trái với Quyết định này đều được hủy bỏ. Các Đơn bảo hiểm được phát hành trước ngày quyết định này có hiệu lực vẫn được áp dụng theo các Quy tắc đang áp dụng tại thời điểm phát hành.

**Điều 3.** Các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Ban Bảo hiểm Tài sản Kỹ thuật, các Ban/Phòng/Trung tâm, các Công ty thành viên và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TỔNG GIÁM ĐỐC

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Ban Điều hành (để chỉ đạo);
- Lưu: VT; TSKT.



VŨ ANH TUẤN



**Merchant's liability insurance for all type of products on  
e-commerce wording**  
**Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm sản phẩm cho gian hàng trên nền  
tảng thương mại điện tử**

Subject to the terms, exceptions, limits and conditions contained in this Policy and Schedule, which are based on a proposal and declaration, and further subject to the payment of premium, **BaoMinh Insurance Corporation** (hereinafter called "BaoMinh") shall indemnify the Insured against:

*Căn cứ vào điều khoản, những loại trừ, giới hạn và điều kiện ghi trong Quy tắc bảo hiểm và Phụ lục, dựa vào yêu cầu và kê khai và với điều kiện đã thanh toán phí bảo hiểm, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (dưới đây gọi là "Bảo Minh") sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm:*

All sums which the Insured becomes legally liable to pay as compensation in respect of:

a) Medical expenses:

Reasonable expenses for medical treatment and hospitalization arising from accidental injury during normal use or consumption of the item.

b) Accidental death or total permanent disability of any person

caused by any goods sold, supply, repaired, altered, treated or serviced by the Insured in connection with the business carried on by the Insured and occurring during the period of insurance and within the territorial limits stated in the Schedule and happening or caused as described in the Schedule;

*Các số tiền mà Người được bảo hiểm có trách nhiệm pháp lý phải bồi thường về:*

a) Chi phí y tế:

*Chi phí hợp lý cho việc điều trị y tế và nhập viện phát sinh do tai nạn thương tích trong quá trình sử dụng hoặc tiêu dùng thông thường đối với mặt hàng đó.*

b) *Từ vong nạn hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn bất ngờ của bất kỳ người nào*

*gây ra bởi hàng hóa được bán ra, cung cấp, sửa chữa, thay thế hay được xử lý hoặc giải quyết bởi Người được bảo hiểm liên quan đến nghiệp vụ của Người được bảo hiểm và xảy ra trong thời hạn bảo hiểm và trong phạm vi địa lý ghi trong Phụ lục và xảy ra hoặc được gây ra như mô tả trong Phụ lục.*

PROVIDED that the liability of BaoMinh for all compensation payable to any claimant or any number of claimants in respect of or arising out of any one occurrence or in respect of or arising out of all occurrences of a series consequent on or attributable to one source or original cause does not exceed the limit of indemnity specified in the Schedule for any one occurrence, and in respect of all injury, loss, or damage sustained as a result of all occurrences happening during any one period of insurance does not exceed the limit of indemnity specified in the Schedule for any one period of insurance.

*VỚI ĐIỀU KIỆN rằng trách nhiệm của Bảo Minh về các khoản phải bồi thường cho bất kỳ một hay nhiều người khiếu nại về hoặc từ một hay hàng loạt các sự cố là hậu quả hay được quy là do một nguồn hay một nguyên nhân gốc, sẽ không vượt quá hạn mức bồi thường đã nêu trong Phụ lục cho mỗi sự cố, và đối với tất cả các thương tật, tổn thất hay tổn hại là hậu quả của tất cả các sự cố xảy ra trong thời hạn bảo hiểm sẽ không vượt quá hạn mức trách nhiệm đã quy định trong Phụ lục cho mỗi thời hạn bảo hiểm.*

In the event of death of the Insured's purchased product client, BaoMinh shall in respect of the liability incurred by the Insured indemnify the Insured's purchased product client personal representatives under the terms of and subject to the limitations of this Policy, provided that such personal representatives observe, fulfill and are subject to the terms, exceptions, limits and conditions



of this Policy so far as they are applicable, as though they themselves were Insured's purchased product client.

*Trong trường hợp khách hàng mua sản phẩm của Người được bảo hiểm bị chết, thì đối với trách nhiệm mà Người được bảo hiểm gây ra, Bảo Minh sẽ bồi thường cho người đại diện của khách hàng mua sản phẩm của Người được bảo hiểm theo điều kiện và phụ thuộc vào hạn mức giới hạn quy định của Quy tắc bảo hiểm này, với điều kiện là người đại diện đó phải tuân thủ, thực hiện và phải phụ thuộc vào điều kiện, loại trừ, hạn mức trách nhiệm và điều khoản của Đơn bảo hiểm này như thể chính họ là khách hàng mua sản phẩm của Người được bảo hiểm.*

## Exceptions

### Những điểm loại trừ

This Policy does not cover:

*Đơn bảo hiểm này không bảo hiểm:*

1. Liability in respect of injury, illness, loss or damage for Insured's purchased product client which results from a deliberate act or omission of the Insured and which could reasonably have been expected having regard to the nature and circumstances of such act or omission;

*Trách nhiệm đối với thương tật, ốm đau, tổn thất hay tổn hại cho khách hàng mua sản phẩm của Người được bảo hiểm do hành động cố tình hay thiếu sót, vô ý của Người được bảo hiểm mà trong trường hợp đó có thể dự kiến được một cách hợp lý khi xét đến tính chất và hoàn cảnh của hành động, thiếu sót đó;*

2. Liability assumed by the Insured by agreement, unless such liability would have attached to the Insured notwithstanding such agreement;

*Trách nhiệm theo thoả thuận của Người được bảo hiểm, trừ khi trách nhiệm đó mặc nhiên Người được bảo hiểm phải chịu cho dù có hay không có thoả thuận đó;*

3. Liability in respect of loss or damage to property

- a) belonging to the Insured,
- b) in the charge or under the control of the Insured or any servant or agent of the Insured,

*Trách nhiệm về tổn thất hoặc tổn hại liên quan đến tài sản;*

- a) của Người được bảo hiểm;
- b) dưới quyền quản lý hay kiểm soát của Người được bảo hiểm hay người làm công, người đại lý của Người được bảo hiểm;

4. Liability in respect of injury, illness, loss or damage

- a) caused by anything bought by the Insured on terms whereby the legal liability of the seller (product producer, supplier) under the statutory or common law is qualified or limited,
- b) supplied by the Insured in connection with the business carried on by the Insured at any premises elsewhere than within the territorial limits;

*Trách nhiệm về thương tật, ốm đau, tổn thất hay tổn hại*

- a) gây ra bởi bất cứ vật gì Người được bảo hiểm mua mà người bán (nhà sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa) phải chịu trách nhiệm pháp lý theo pháp luật và thường luật quy định.
- b) được cung cấp bởi Người được bảo hiểm liên quan đến nghiệp vụ được thực hiện tại bất kỳ địa điểm nào khác với phạm vi địa lý quy định trong hợp đồng.

5. Liability incurred by the Insured resulting from bodily injury, loss of or damage arising directly or indirectly from the design, plans, formula or specification of any goods or instruction, advice or information on the characteristics, use, storage or application of any goods of the seller (products producer, supplier);



*Trách nhiệm của Người được bảo hiểm về thương tật thân thể hay tổn thất, tổn hại tài sản phát sinh trực tiếp hay gián tiếp từ việc thiết kế, quy hoạch, công thức hay chỉ dẫn về, hoặc các thông tin chi tiết của bất kỳ hàng hóa nào hoặc hướng dẫn, chỉ định hoặc các thông tin về những đặc tính, sử dụng, bảo quản đối với bất kỳ hàng hóa nào của người bán (nhà sản xuất, nhà cung cấp sản phẩm)*

6. Any actions for the compensations brought in the Courts of Law of any territory outside the country where the Insured's Head Office as stated in the Schedule is located;

*Mọi quyền đòi bồi thường trước tòa án của quốc gia nào ngoài quốc gia mà theo Phụ lục, trừ sở chính của Người được bảo hiểm đặt tại đó.*

7. Any legal liability of whatsoever nature directly or indirectly caused by or contributed to by or arising from

- a) ionizing radiation or contamination by radioactivity from any nuclear fuel or from any nuclear waste from the combustion of nuclear fuel (including any self-sustaining process or nuclear fission),
- b) the radioactive, toxic, explosives or other hazardous properties of any explosive nuclear assembly or nuclear weapons material or nuclear component thereof;
- c) asbestosis or any related disease (including cancer) resulting from the existence production handling processing manufacture sale distribution storage deposit or use of asbestos, asbestos products and/or products containing asbestos

*Mọi trách nhiệm pháp định cho dù có tính chất trực tiếp hay gián tiếp gây ra hay được quy cho hoặc phát sinh từ những nguyên nhân sau:*

- a) *hoạt động phóng xạ ion hoá hoặc nhiễm phóng xạ từ năng lượng hạt nhân hay chất thải hạt nhân từ quá trình đốt năng lượng hạt nhân (bao gồm cả quá trình tự duy trì hoặc phân hủy hạt nhân).*
  - b) *sự phóng xạ, nhiễm độc, nổ các tài sản nguy hiểm của việc lắp ráp nguyên tử nổ hoặc vũ khí nguyên tử hoặc các cấu thành vật chất có liên quan;*
  - c) *bệnh phổi do chất amiăng hay các bệnh liên quan (kể cả bệnh ung thư) phát sinh do có sự tồn tại việc sản xuất, xử lý các quy trình chế tạo, bán, phân phối, lưu kho, sử dụng chất amiăng, các sản phẩm amiăng hoặc sản phẩm có chứa chất amiăng.*
8. Liability directly or indirectly occasioned by or through or in consequence of

- a) war, invasion, act of foreign enemy, hostilities or warlike operations (whether war be declared or not),
- b) civil war, mutiny, civil commotion assuming the proportions of or amounting to a popular rising, military rising, insurrection, rebellion, revolution, conspiracy, military or usurped power,
- c) martial law or state of siege or any of the events causes which determine the proclamation or maintenance of martial law or state of siege,
- d) any act of any person acting on behalf of or in connection with any organization with activities directed towards the overthrow by force of any de jure or de facto Government or the influencing of it by terrorism or violence, or looting sack of pillage in connection with any of the aforementioned occurrences.

*Trách nhiệm trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra do hoặc vì*

- a) *chiến tranh, xâm lược, hành động thù địch của ngoại bang, chiến sự hay các hoạt động chiến tranh (có tuyên chiến hay không tuyên chiến),*
- b) *nội chiến, chiến sự, bạo động dân sự là những hoạt động do nổi loạn của quân chúng, quân sự, bạo động, cách mạng, trưng thu, tiếm quyền,*
- c) *tình trạng thiết quân luật hay bao vây hoặc những sự cố hay nguyên nhân đưa đến công bố hay duy trì bao vây đó;*



- d) bất kỳ hành động của người nào nhân danh hay có liên quan đến mọi tổ chức có những hành động trực tiếp bằng vũ lực nhằm lật đổ chính phủ hợp pháp hay thực tế hoặc gây ảnh hưởng đến chính quyền bằng hành động khủng bố hay bạo lực hoặc cướp phá có liên quan tới bất kỳ những sự cố nào đã nói ở trên.

## Conditions

### Các điều kiện

This Policy and Schedule shall be read together as one contract and any word and expression to which a specific meaning has been attached in any part of this Policy or of the Schedule shall bear such specific meaning wherever it may appear.

*Quy tắc bảo hiểm và Phụ lục được xem là bộ phận của Đơn bảo hiểm (Hợp đồng bảo hiểm) và bất cứ từ ngữ hoặc thành ngữ nào đã có một nghĩa trong bất cứ phần nào của Quy tắc bảo hiểm hay Phụ lục thì sẽ giữ mãi nghĩa đó ở bất cứ phần nào của Quy tắc bảo hiểm hoặc Phụ lục đó.*

1. In the event of any occurrence which may give rise to a claim for indemnity under this Policy, the Insured must notify Bao Minh of such occurrence in writing or email within 7 days from the date of discovery of the loss.... Every letter, writ, process shall be notified or forwarded to Bao Minh immediately on receipt. After the limit of this time, Bao Minh will not be responsible for resolving the Insured's claim for compensation.

*Trong trường hợp có bất cứ sự cố nào có thể dẫn tới việc khiếu nại bồi thường theo Đơn bảo hiểm này, Người được bảo hiểm phải thông báo cho Bảo Minh về sự cố đó bằng văn bản hoặc email trong vòng 7 ngày kể từ ngày phát hiện tổn thất... Mọi thư, khiếu nại hay kiện cáo phải thông báo hay gửi cho Bảo Minh ngay khi nhận được. Quá thời hạn này Bảo Minh sẽ không có trách nhiệm giải quyết khiếu nại đòi bồi thường của Người được bảo hiểm.*

2. The Insured shall not without the consent in writing of Bao Minh repudiate liability, negotiate or make any admission, offer, promise or payment in connection with any occurrence or claim, and Bao Minh shall be entitled if it so desires to take over and conduct in then name of the Insured the defence of any claim or to prosecute in the name of the Insured at its own expense and for its own benefits and claim for indemnity or compensation or the like against any person and shall have full discretion in the conduct of any proceedings and in the settlement of any claim, and the Insured shall give all information and assistance that Bao Minh may require.

*Người được bảo hiểm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Bảo Minh, không được từ chối trách nhiệm, thương thuyết hay công nhận, đề nghị hay hứa hẹn hoặc trả tiền cho bất cứ sự cố hay khiếu nại nào và Bảo Minh có quyền, nếu muốn, tiếp nhận và điều hành nhân danh Người được bảo hiểm việc bào chữa hay khởi kiện nhân danh Người được bảo hiểm bằng chi phí của mình và có quyền khiếu nại đòi bồi thường hay thiệt hại bất cứ ai và có toàn quyền tự quyết trong tiến hành tố tụng và trong việc giải quyết mọi tổn thất. Người được bảo hiểm phải cung cấp thông tin và hỗ trợ Bảo Minh theo yêu cầu của Bảo Minh.*

3. Bao Minh may in the case of any injury, illness, loss, or damage, pay to the Insured's purchased product the maximum sum payable under this Policy in respect of such occurrence, or any lesser sum for which the claim or claims arising from such occurrence can be settled, and Bao Minh thereafter shall not be under further liability in respect of such occurrence except for the payment of costs and expenses of litigation incurred prior to the date of payment.

*Bảo Minh sẽ thanh toán cho khách hàng mua sản phẩm của Người được bảo hiểm số tiền tối đa có thể trả theo Đơn bảo hiểm này trong trường hợp thương tật, bệnh tật hay tổn thất hoặc tổn hại hay một số tiền ít hơn có thể điều đình được về khiếu nại hoặc những khiếu nại phát sinh từ sự cố đó, và Bảo Minh sẽ không chịu bất cứ một trách nhiệm nào tiếp theo phát sinh từ sự cố đó trừ những khoản thanh toán về chi phí kiện tụng đã chi trả trước ngày thanh toán bồi thường.*



4. If at the time of any claim arising under this insurance there is any other insurance covering the same risk or any part thereof, Bao Minh shall not be liable for more than its ratable proportion thereof.

*Nếu vào thời điểm khiếu nại phát sinh theo Đơn bảo hiểm này còn có Đơn bảo hiểm khác bảo hiểm cùng một trách nhiệm, Bao Minh sẽ không chịu trách nhiệm trả nhiều hơn phần tỷ lệ tương ứng phải chịu cho khiếu nại đó.*

5. The Insured shall give immediate notice to Bao Minh of any change in risk level different from actual conditions when requesting insurance.

*Người được bảo hiểm phải thông báo ngay cho Bao Minh về mọi thay đổi mức độ rủi ro khác với điều kiện thực tế khi yêu cầu bảo hiểm.*

6. The Insured shall take all reasonable precautions to prevent the goods being supplied and/or containers which are not in good condition and fit for the purpose for which they are intended and shall exercise reasonable care that all legislation and all by-laws and directions made by statutory or local authority are duly observed and complied with.

*Người được bảo hiểm sẽ áp dụng mọi biện pháp thích hợp để ngăn ngừa việc các hàng hóa được cung cấp và/hoặc bao bì, đồ để chứa trong điều kiện không tốt và không thích hợp cho mục đích của nó và phải thận trọng hợp lý để tuân hành và thực hiện luật lệ trung ương và địa phương.*

7. This Policy may be cancelled at any time by thirty days' notice by registered letter from Bao Minh to the Insured's last known address, and in such event Bao Minh shall return a pro rata portion of the premium (after adjustment in accordance with Condition 8 if necessary) for the unexpired part of the period of insurance.

*Bao Minh có quyền hủy bỏ Đơn bảo hiểm này bằng cách thông báo ba mươi (30) ngày trước cho Người được bảo hiểm bằng thư bảo đảm tới địa chỉ cuối cùng được biết và trong trường hợp như vậy, Bao Minh sẽ hoàn lại cho Người được bảo hiểm số phí cho phần bảo hiểm chưa kết thúc tính theo tỉ lệ (sau khi điều chỉnh theo điều kiện số 8 nếu cần thiết).*

8. If the premium for this Policy has been calculated on any estimate furnished by the Insured, the Insured shall keep accurate records of all particulars relative thereto and shall at all time allow Bao Minh to inspect such records. The Insured shall within one month from the expiry of each period of insurance supply to Bao Minh such particular such particular and information as Bao Minh may require. The premium for such period shall thereupon be adjusted and the difference paid by or allowed to the Insured, as the case may be, subject however to any minimum premium hereon.

*Nếu phí bảo hiểm áp dụng cho Đơn bảo hiểm này được xác định dựa vào số ước tính do Người được bảo hiểm cung cấp, thì Người được bảo hiểm phải lưu lại hồ sơ gốc tất cả các tài sản liên quan đến Đơn bảo hiểm và cho phép Bao Minh kiểm tra các hồ sơ đó vào bất kỳ khi nào cần thiết. Trong vòng một tháng trước ngày hết hiệu lực của Đơn bảo hiểm, Người được bảo hiểm phải cung cấp cho Bao Minh bản danh mục các tài sản đó và các thông tin khi Bao Minh yêu cầu. Phí bảo hiểm cho thời hạn hiệu lực hợp đồng sẽ được điều chỉnh dựa vào bản danh mục và các thông tin khai báo đó và Người được bảo hiểm có thể phải trả thêm hay có thể được hoàn trả lại phần phí chênh lệch, tuy nhiên phí bảo hiểm thực tế không thấp hơn phí tối thiểu ấn định trước.*

9. All disputes arising from this Insurance Policy will be resolved at the competent People's Court.

*Tất cả tranh chấp phát sinh từ Đơn bảo hiểm này sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.*

10. The due observance and fulfillment of the terms, conditions, and endorsements of this Policy, insofar as they relate to anything to be done or complied with by the Insured, and the truth of statements and answers in the said proposal shall be conditions precedent to any liability of Bao Minh to make any payment under this Policy.

*Việc Người được bảo hiểm phải thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các điều kiện và điều khoản bổ sung của Đơn bảo hiểm này, nhất là khi liên quan đến bốn phạm của Người được bảo hiểm phải*



thực hiện hay tuân hành, và sự trung thực của lời khai và các câu trả lời trong giấy yêu cầu bảo hiểm là điều kiện tiên quyết cho việc giải quyết bồi thường của Bảo Minh theo Đơn bảo hiểm này.

## Definitions

### Các định nghĩa

The following words shall have the same meaning throughout this Insurance, whether expressed in the singular or in the plural.

*Những từ sau đây sẽ có cùng ý nghĩa xuyên suốt quy tắc Bảo hiểm này, cho dù được diễn đạt ở số ít hay số nhiều.*

The Insurer means Bao Minh Insurance Corporation

*Công ty bảo hiểm là Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh*

The Insured means the person or entity specified in the Policy or Certificate of Insurance.

*Người được bảo hiểm có nghĩa là cá nhân hoặc tổ chức – người bán hàng trên nền tảng thương mại điện tử được ghi cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm.*

Occurrence means an event including continuous or repeated exposure to substantially the same general conditions, which results in bodily injury or property damage neither expected nor intended to happen by The Insured.

*Sự cố có nghĩa là một sự kiện, bao gồm sự tiếp xúc liên tục và lặp đi lặp lại với các điều kiện chung căn bản giống nhau gây ra thương tật thân thể hay thiệt hại tài sản, mà Người được bảo hiểm không mong chờ và không có chủ định trước.*

Normal use or consumption means ordinary consumer use under normal conditions and used/consumed in accordance with the instruction manual included with the Product. Normal use or consumption does not include use of the product with negligent use or misuse.

*Việc sử dụng hoặc tiêu dùng thông thường có nghĩa là sự tiêu dùng thông thường trong điều kiện bình thường và được sử dụng / tiêu thụ theo hướng dẫn sử dụng kèm theo Sản phẩm. Việc sử dụng hoặc tiêu dùng thông thường không bao gồm việc sử dụng sản phẩm cấu thả hoặc sử dụng sai mục đích.*



## Appendix 1

### DISABILITY COMPENSATION RATE

( Issued with Official Dispatch no. ....-BM/BHCN, on ..... by General Director of Bao Minh Insurance Corporation )

#### PERMANENT TOTAL DISABILITY

1. Blindness or complete loss of eyes..... 100%
2. Mental disorders are completely incurable..... 100%
3. Failure to fully chew and speak..... 100%
4. Loss or complete paralysis of arms (from shoulder or elbow) or legs (from groin or knee).....100%
5. Losing hands or 2 feet, or losing 1 arm and 1 foot, or losing 1 arm and 1 leg, or 1 hand and 1 leg, or 1 hand and 1 foot..... 100 %
6. Cut one whole lung and part of other lung..... 100%
7. Total loss of working capacity and unable to do anything (all paralyzed, injured resulting in bedriddenness or permanent total disability) ..... 100%

#### LOCAL DISABILITY

Upper limb

##### PERMANENT LOCAL DISABILITY

8. Loss of an arm from the shoulder (disengaging the shoulder joint) .....80%
9. Cut off the arm from the shoulder..... 75%
10. Amputation of an arm from the elbow (disengaging the elbow joint).....70%
11. Loss of 1 or all 5 fingers..... 65%
12. Loss of all 4 fingers (except for the thumb) .....45%
13. Loss of both thumb and forefinger..... 40%
14. Loss of 3 fingers 3 - 4 - 5..... 32%
15. Loss of thumb and 2 other fingers..... 37%
16. Loss of thumb and other one finger..... 32%
17. Loss of index finger and other 2 fingers..... 37%
18. Loss of index finger and 1 middle finger..... 32%
19. Losing all thumb and hand knuckle..... 27%
- Loss of full thumb..... 22%
- Loss of external knuckle..... 12%
- Loss of ½ external knuckle..... 8%
20. Loss of index finger and hand knuckle..... 22%
- Loss of index finger..... 20%
- Loss of 2<sup>nd</sup> and 3<sup>rd</sup> knuckles..... 10%
- Loss of 3<sup>rd</sup> knuckle..... 9%
21. Loss of the middle or ring finger (including the knuckle) .....20%



- Loss of the middle or ring finger.....	17%
- Loss of 2 <sup>nd</sup> and 3 <sup>rd</sup> knuckles.....	10%
- Loss of 3 <sup>rd</sup> knuckle 3.....	5%
22. Loss of the little finger and the knuckle.....	17%
- Loss of the pinky.....	12%
- Loss of 2 <sup>nd</sup> and 3 <sup>rd</sup> knuckles.....	9%
- Loss of 3 <sup>rd</sup> knuckle.....	5%
23. Rigid shoulder joint.....	30%
24. Elbow stiffness.....	30%
25. Wrist stiffness.....	30%

#### TEMPORARY DISBILITY

26. Fracture of the hand with dislocations or loss of bone, making the limb shorter than 3 cm and the supine function is limited or creating artificial joints.....	30%
27. Fracture of the arm in the anatomical neck, no surgery, good intervention, normal movement.. . .	15%
28. Fracture of the arm in the neck of anatomy, without surgery, disrespectful, limited movement shoulder joint.....	30%
29. Arm fracture in the neck of anatomy, surgery, good can, normal movement.....	25%
30. Fracture of arm bone in anatomical neck, surgery, bad can, limiting shoulder movement.....	40%
31. Arm fracture, no surgery, good intervention, normal movement.....	15%
32. Arm fractures, with surgery, good decals, normal movement.....	25%
33. Arm fractures, no surgery, bad can, muscle atrophy.....	25%
34. Fracture of the arm, with surgery, disobedience, muscle atrophy.....	30%
35. Fracture of the forearm 2, no surgery, good can, normal movement.....	12%
36. Fracture of 2 forearm bones with surgery, good can, normal movement.....	18%
37. Fracture of 2 forearm bones, no surgery, disrespectful cans, limiting supine movements.....	20%
38. Fracture of 2 forearm bones with surgery, bad cans, limiting supine movements.....	25%
39. Fracture of 1 rotational bone or abutment, no surgery, good can, normal movement.....	10%
40. Fracture of 1 rotational bone or abutment, surgery, good can, normal movement.....	15%
41. Fracture of 1 rotational bone or abutment, no surgery, disrespectful cans, limiting the tummy movement to.....	15%
42. Fracture of a spinning bone or a pillar, surgery, bad cans, limiting the tummy movement to.....	20%
43. Fracture of 2 forearm bones without surgery, sequelae of prostheses 2 bone.....	25%
44. Fracture of 2 forearm bones, with surgery, sequelae of artificial joints 2 bone.....	35%
45. Fracture of 2 forearm bones, no surgery, 1 sequel joint artifact.....	15%
46. Fracture of 2 forearm bones, surgery, sequelae of 1 artificial bone.....	25%
47. Fracture of the head under the rotating bone, no surgery, good can, normal movement.....	10%



48. Fracture of the head under the rotating bone, with surgery, good can, normal movement.....	14%
49. Fracture of the head under the rotating bone, no surgery, disobedience, limiting wrist movement..	15%
50. Fracture of the head under the rotating bone, surgery, cancers, limiting wrist movements.....	18%
51. Fractures of a rotary or cylindrical crown, no surgery, good can, normal movement.....	8%
52. Fracture of a rotating or cylindrical crown with surgery, a good can, normal movement.....	10%
53. Fractures of a rotating or cylindrical crown, no surgery, disobedience, limiting wrist movements..	12%
54. Fracture of a rotary brooch or a head, with surgery, disobedience, limiting wrist movement..	15%
55. Wrist fracture, no surgery, good intervention, normal movement.....	10%
56. Wrist fracture, surgery, good intervention, normal movement.....	13%
57. Wrist fractures, no surgery, disrespectful, limited wrist movements.....	15%
58. Wrist fracture, surgical, disrespectful, limited wrist movements.....	18%
59. Fractures of table burns (depending on the level from one to many, each increase by 2% respectively) .....	8-16%
60. Clavicle fracture, no surgery, good intervention, normal movement.....	8%
61. Collarbone fracture, surgery, good intervention, normal movement.....	12%
62. Non-surgical collarbone fracture, stiffness, shoulder stiffness.....	18%
63. Collarbone fracture, surgical, stiff, shoulder stiffness.....	25%
64. Collarbone fracture, non-surgical, with pinched nerve at shoulder level.....	30%
65. Collarbone fracture, surgical, shoulder compression, nerve.....	35%
66. Shoulder fractures, fractures, skeletal defects, non-surgical.....	10%
67. Shoulder fractures, fractures, skeletal defects, with surgery.....	15%
68. Shoulder blade fracture, horizontal fracture, non-surgical.....	17%
69. Shoulder blade fracture, horizontal fracture, surgery.....	22%
70. Shoulder fractures, shoulder and shoulder fractures, non-surgical.....	30%
71. Shoulder fractures, shoulder and shoulder fractures, surgery.....	40%
72. Fractures of the fingers (depending on the level from 1 to many fingers, each finger increases by 3% respectively) ..	3-12%

**Lower Limbs**

PERMANENT LOCAL DISABILITY

73. Loss of a leg from the groin (unoperating one hip) .....	80%
74. Amputation of 1 thigh	
- 1/3 over.....	75%
- 1/3 middle or below.....	65%
75. Amputation of 1 leg from the knee (dislocating the knee joint) .....	65%
76. Remove ankle joints or lose 1 foot.....	60%



77. Loss of talus.....	37%
78. Loss of heel bone.....	40%
79. Loss of tibia, fibrosis causing artificial joints in the legs.....	40%
80. Loss of bone segment.....	25%
81. Loss of ankle	
- External ankle.....	12%
- Internal ankle in.....	17%
82. Losing all 5 toes.....	50%
83. Losing 4 fingers of your thumb.....	42%
84. Losing 4 fingers except for thumb.....	40%
85. Losing 3 fingers 3 - 4 - 5 .....	27%
86. Losing 3 fingers 1 - 2 - 3.....	32%
87. Losing 1 thumb and 2 fingers.....	22%
88. Losing 1 thumb.....	17%
89. Losing an outer finger of the thumb.....	12%
90. Losing 1 thumb.....	10%
91. Hip stiffness.....	50%
92. Knee stiffness.....	35%
93. Losing the majority of the patella and limiting the likelihood of stretching the legs on the thighs by .....	50%
94. Fractured leg fracture or bone loss to shorten limbs	
- at least 5 cm .....	42%
- from 3 - 5 cm.....	37%
95. Complete paralysis of the sciatic nerve beyond .....	40%
96. Complete paralysis of the sciatic nerve in.....	30%

#### TEMPORARY DISABILITY

97. Fractured mid / lower 1/3 thigh bone, no surgery, good can, normal movement.....	20%
98. Fracture of middle or lower thigh thighs with surgery, good can, normal movement.....	30%
99. Lower mid / lower 1/3 thigh fractures, non-surgical, disobedient, dislocated, closed or closed legs, muscle atrophy.....	30%
100. Fracture of the middle or lower third thigh, with surgery, disobedient, dislocated, closed or closed legs, muscle atrophy .....	40%
101. Fracture of 1/3 of the upper or lower femur, no surgery, good can, straight axis.....	25%
102. Fracture of 1/3 of the upper or neck of the femur, with surgery, good can, straight axis.....	35%



103. Fracture of a third of the upper or lower femur, no surgery, discomfort, scaly legs, pain, muscle atrophy.....	35%
104. Fracture 1/3 of the upper or neck of the femur, surgery, bad can, scaly legs, pain, muscle atrophy .....	45%
105. Femoral neck fracture, non-surgical, femoral neck fracture sequelae .....	45%
106. Fracture of the femur, with surgery, sequelae of the femoral neck.....	55%
107. Fracture of the lower two legs, no surgery, good can, straight axis.....	20%
108. Fracture of the lower two bones, with surgery, with a good can, straight shaft.....	25%
109. Fracture of the lower two bones, no surgery, bad cans, scoliosis.....	25%
110. Fracture of the lower two bones, with surgery, disobedient and diseased legs.....	30%
111. Baseball fractures, non-surgical, fine, straight.....	15%
112. Baseball fractures, with surgery, fine cans, straight shaft.....	18%
113. Baseball fractures, non-surgical, disobedient, scoliosis .....	18%
114. Baseball fractures, with surgery, disobedient, scaly legs.....	22%
115. Fractured tibial plateau, non-surgical.....	15%
116. Fractured tibial plateau, with surgery .....	25%
117. Fracture fractures, non-surgical.....	10%
118. Fractured bone, with surgery.....	20%
119. Patella tendon rupture, good knee function.....	15%
120. Tendon rupture, limiting knee function.....	25%
121. Patellar fractures, non-surgical.....	10%
122. Fracture of a patella with surgery.....	20%
123. Non-surgical kneecap fractures, knee stiffness or quadriceps atrophy.....	25%
124. Surgical kneecap fractures, knee stiffness or quadriceps atrophy.....	25%
125. Achille tendon rupture, good heel function.....	15%
126. Achille tendon rupture, restricted heel function.....	20%
127. Fracture of the table leg (depending on the level from 1 to many, each 2% respectively).....	7-15%
128. Heel fracture, no surgery .....	15%
129. Heel fracture, with surgery .....	20%
130. Fractures of the toes (depending on the level of 1 to many segments, each burn 2% respectively).....	4-12%
131. Discus fracture in the pubic bone, no urethra.....	25%
132. Fracture of the pubic bone, with urethra extinction.....	32%
133. Broken tail sitting.....	25%
134. Pelvic hip fracture on one side, no orthopedic.....	20%
135. One-sided pelvic fracture, orthopedic treatment.....	30%



136. Pelvic fractures 2 sides, good bone, no distortion.....	40%
137. Pelvic fractures on both sides, pelvic distortion affecting birth.....	55%
138. Fractures, no surgery, no disorders of round muscles.....	10%
139. Fracture of the sacrum, with surgery, without disorders of the round muscle.....	15%
140. Fractured sacrum, no surgery, round muscle disorder.....	25%
141. Sacral fracture, surgery, round muscle disorder.....	35%

**Spine**

PERMANENT LOCAL DISABILITY

142. Cut off the hind quarters of a vertebra.....	35%
143. Removing the posterior arc of 2-3 vertebrae or more.....	50%

TEMPORARY DISABILITY

144. Fracture collapse 1 vertebrae, no surgery, no spinal cord.....	30%
145. Fracture body 1 vertebrae, surgery, non-paralysis.....	40%
146. Fractured body with 2 or more vertebrae, no surgery, no paralysis.....	50%
147. Fractured or lateral incision of 1 vertebrae, nonoperative.....	10%
148. Fractured or lateral incision of 1 vertebrae, with surgery.....	17%
149. Fractured or lateral rupture of 2-3 vertebrae, no surgery .....	25%
150. Fractured or lateral spine break of 2-3 vertebrae with surgery.....	45%

**Skull**

PERMANENT LOCAL DISABILITY

151. Craniofacial defects, without neurological or psychiatric manifestations, diameter less than 6 cm	30%
152. Craniofacial defects, without neurological or psychiatric manifestations, diameter of 6 to 10 cm	50%
153. Craniofacial defects, without neurological or psychiatric manifestations, diameter of over 10 cm	60%
154. Language disorders due to the effects of cerebral wounds:	
- lisp, stutter, and speech difficulties affect.....	35%
- speechless (mute) due to Broca area damage.....	65%
- loss of ability to transact in writing, loss of language awareness due to regional damage	
Werricke.....	60%

TEMPORARY DISABILITY

155. Peeling the entire scalp (1 part in proportion) .....	50%
156. An open brain injury, a fractured bone.....	45%
157. Open wounds, cranial subsidence.....	45%
158. An open skull wound, many bone fragments go into the brain.....	55%
159. Closed brain injury, cranial fracture (common fissure, concave or subsidence), without surgical treatment .....	20%



160. Closed traumatic brain injury, cranial fracture (normal fissure, concave, or concave bone) with surgical treatment.....	30%
161. Closed cranial trauma, fractures spread to the base of the skull without nerve paralysis in the cranial background, without surgical treatment.....	30%
162. Closed traumatic brain injury, fractures spread to the base of the skull without nerve paralysis in the skull base, with surgical treatment.....	40%
163. Closed cranial trauma, fractures spread to the base of the skull with nerve paralysis in the cranial background, without surgical treatment.....	40%
164. Closed traumatic brain injury, fractures spread to the base of the skull with nerve paralysis in the skull base, with surgical treatment.....	50%
165. Traumatic brain injury causes a concussion.....	15%
166. Brain injury causes cerebral edema.....	50%
167. Traumatic brain injury causes brain collapse, clears the brain.....	55%
168. Traumatic brain injury causing subarachnoid bleeding.....	50%
169. Traumatic brain injury causes hematoma in the skull (external and internal epidural, in the brain).....	40%

**Chest**

**PERMANENT LOCAL DISABILITY**

170. Removing 1-2 ribs.....	17%
171. Removing 3 ribs (each rib removed on 3 ribs increased by 5%).....	25%
172. Cut off each piece of ribs (each cut of the cut ribs increases by 3%).....	8%
173. Removing one side of the lung.....	75%
174. Cutting multiple lobes on either side, living capacity decreased by 50% and.....	70%
175. Multiple lobes were cut on one side.....	55%
176. Cut one lobe of lung.....	40%

**TEMPORARY DISABILITY**

177. Fracture of 1-2 ribs, no surgery.....	7%
178. Fracture of 1-2 ribs, with surgery.....	12%
179. Fractured 3 or more ribs, no surgery.....	15%
180. Fractures of 3 or more ribs, with surgery.....	25%
181. Simple sternum fracture, non-surgical (normal cardiac and respiratory function) .....	15%
182. Simple sternal fracture with surgery (normal cardiac and respiratory function) .....	25%
183. Sternum or fracture.....	12%
184. Effusion, gas, pleural blood (aspirations only) .....	8%
185. Pneumothorax, pleural blood (requires drainage, hemostatic surgery) .....	25%
186. Injury to the heart valves or septum due to trauma (without heart failure) .....	55%





187. Pericardial sutures, surgery limited results.....	65%
188. Pericardial stitch surgery, good results.....	40%

**Abdomen**

PERMANENT LOCAL DISABILITY

189. Cut the entire stomach.....	80%
190. Stomach cut.....	55%
191. Cut most of the small intestine (less than 1 m left) .....	80%
192. Cut small intestine segment.....	45%
193. Cut the entire colon.....	80%
194. Cut of the colon segment.....	55%
195. Removing the liver must be merely.....	75%
196. Removal of the left liver alone by.....	65%
197. Cut ½ of a liver lobe.....	60%
198. Cut 1/3 of a liver lobe.....	40%
199. Cut less than 1/3 of a 30% liver lobe.....	30%
200. Gallbladder removal.....	50%
201. Removing the spleen.....	45%
202. Removing pancreatic tail and spleen.....	65%

TEMPORARY DISABILITY

203. Stomach perforation.....	30%
204. Perforation of small intestine (maybe one or more perforation) .....	35%
205. Colonic perforation (may be 1 or more perforation) .....	35%
206. Liver stamping, suturing.....	40%
207. Spleen rupture suturing.....	25%
208. PANCREAS suturing.....	32%

**Urinary and genital organs**

PERMANENT LOCAL DISABILITY

209. Removing 1 kidney, normal kidney.....	55%
210. Removing one kidney, the remaining kidney is damaged or pathological.....	75%
211. Partial left or right kidney cut.....	35%
212. Loss of penis and testicles in under-55-year-olds.....	75%
213. Losing penis and 2 testicles in people under 55 years old already have children and.....	60%
214. Losing penis and 2 testicles in people over 55 years.....	40%
215. Unilateral uterine and ovarian ablation in under-45-year-old.....	65%



216. Unilateral uterine and ovarian ablation in children under 45 who have had a baby.....	35%
217. Unilateral uterine and ovarian ablation in people over 45 years of age.....	27%
218. Breast reduction in women under 45 years 1 side.....	25%
219. Breast reduction in women under 45 years old 2 sides.....	50%
220. Breast reduction in women over 45 years 1 side.....	17%
221. Breast reduction in women over 45 years old 2 sides.....	35%
222. Cutting a portion of the bladder.....	30%

TEMPORARY DISABILITY

223. Mild kidney injury (not specifically treated, monitored for less than 5 days) .....	6%
224. Moderate kidney injury (requires special medication, monitor for more than 5 days).....	12%
225. Severe kidney injury (with contusion, requiring surgical intervention) .....	50%
226. Permanent bladder catheter.....	75%
227. Bladder perforation (maybe one or more perforation) .....	32%

**Eye**

PERMANENT LOCAL DISABILITY

228. Losing or completely blind 1 eye, cannot install false eye.....	60%
229. Losing or completely blind 1 eye, fitting an artificial eye.....	55%
230. One eye remains to 1 in 10.....	37%
231. One eye is still available from 2/10 to 4/10.....	15%
232. One eye is still available from 5/10 to 7/10.....	10%
233. One eye is completely lost or blind but before the accident, one eye was lost or blind then.....	90%

**Ear, nose and throat**

PERMANENT LOCAL DISABILITY

234. Deafness in both ears completely does not recover.....	80%
235. Deafness in both ears (speaking loudly or screaming in the ears) .....	65%
236. Deafness in medium ears (speaking loudly - 1-2 m still listening) .....	40%
237. Deafness in 2 ears (speaking loudly - 2-4 meters still listening) .....	20%
238. 1 ear deafness completely fails to recover.....	35%
239. Deafness in moderate ears.....	15%
240. 8-degree hearing loss mildly.....	8%
241. Lateral ear loss.....	30%
242. Lateral ear loss.....	15%
243. Coronary pinching scars, narrowing the ear canal.....	20%
244. Loss of nose completely.....	40%
245. Nose deformation.....	18%
246. A narrow scar sore throat affects swallowing.....	30%



**Dentomaxillofacial**

PERMANENT LOCAL DISABILITY

247. Loss of all upper jaw bone and lower jawbone from lower branch other side..... 85%

248. Loss of whole upper jaw bone and lower jawbone from lower branch same side..... 75%

249. Loss of entire upper or lower jaw bone..... 75%

250. Loss of 1 part of the upper jaw or 1 of the lower jaw from 1/3 to 1/2 is lost from the high branch or less.....40%

251. Prosthetic joints due to non-healing or defects..... 22%

252. Losing more than 8 teeth without dentures.....35%

253. Loss of teeth on 8 teeth with dentures.....25%

254. Loss of 5 to 7 teeth..... 20%

255. Loss of 3 to 4 teeth..... 10%

256. Loss of 1 to 2 teeth..... 4%

257. Loss of 3/4 tongue with tongue base (from V line upward) ..... 80%

258. Losing 2/3 blades from the tip of the tongue..... 55%

259. Losing 1/3 of the tongue affects pronunciation..... 20%

260. Losing a small part of the tongue (less than 1/3) affects pronunciation..... 10%

TEMPORARY DISABILITY

261. Fractures of upper and lower jaw, no surgery, good muscle function ..... 20%

262. Fracture of upper and lower jaw, with surgery, good functioning of joints..... 25%

263. Fractures of upper and lower jaw, no surgery, bad sequelae causing chewing joints, difficulty eating .....30%

264. Fractures of the upper and lower jaw, surgery, sequelae of the bad cause of chewing joints, eat hard..... 35%

265. Cheekbone fracture, supply of upper jaw bone or lower jaw bone causing slight disturbance Joint bite and chewing function..... 20%

**Flesh Wounds - Burns**

TEMPORARY DISABILITY

266. Flesh wounds (VTPMs) are cuts and cuts of less than 2 cm width that cause skin tear, mucosal tear ... to not affect the function and length:

- From 2 cm - 4 cm..... 2%

- From 4 cm - 7 cm..... 3%

- From 7 cm - 10 cm..... 4%

- From 10 cm - 15 cm..... 5%

- Above 15 cm..... 7%



267. Flesh wounds are crushed injuries that leave no sequelae and area:

- Less than 9 cm<sup>2</sup>..... 2%
- From 9 cm<sup>2</sup> to 12 cm<sup>2</sup>..... 3%
- From 12 cm<sup>2</sup> to 16 cm<sup>2</sup>..... 4%
- From 16 cm<sup>2</sup> to 24 cm<sup>2</sup>..... 6%
- From 24 cm<sup>2</sup> to 30 cm<sup>2</sup>..... 8%
- From 30 cm<sup>2</sup> to 35 cm<sup>2</sup>..... 10%
- Over 35 cm<sup>2</sup>..... 12%

(If the wound is caused by an animal, add 1% to the rate above)

268. Flesh wounds that cause sprains in ankles, knees, groin joints, wrists, elbows, shoulders..... 4%

269. Flesh wounds dislocating joints in the fingers and toes of the feet..... 2%

270. Flesh wounds dislocating joints in the ankles, knees, groin, wrists, elbows, shoulders..... 7%

271. Shallow burn (grade I, grade II)

- an area of less than 5%..... 4%.
- area of 5 - 15%..... 12%
- an area of more than 15%..... 20%

272. Deep burns (grade III, grade IV)

- an area of less than 5%..... 22%
- area of 5 - 15%..... 40%
- an area of more than 15%..... 70%

#### PERMANENT LOCAL DISABILITY

273. VTPM as mentioned in sections 266 and 267 leaving sequelae of pain, burning, numbness, contraction, lasting after wound healing: add 5% to the corresponding proportions above.

274. VTPM as described in sections 266 and 267 affecting major blood vessels, nerves: add 10% to the corresponding proportions above.

275. VTPM as described in sections 266, 267 but is a wound in the chest or abdomen, after the wound is left with sequelae affecting the respiratory: add 20% to the corresponding proportions above.

276. VTPM as described in section 266, 267 left behind the result of stiff muscle scarring which deformed the face, hindered eating, chewing and neck movement: add 30% to the corresponding proportions above.

277. VTPM as described in sections 266 and 267 leaves a large gap around the cavity, which greatly affects eating: adding an additional 35% to the above proportions.

278. Partial loss of a jaw between the nose and mouth.....25%



## BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM THƯƠNG TẬT

### THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VĨNH VIỄN

1. Mù hoặc mất hoàn toàn hai mắt.....	100%
2. Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được.....	100%
3. Hông toàn bộ chức năng nhai và nói .....	100%
4. Mất hoặc liệt hoàn toàn 2 tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) hoặc 2 chân (từ háng hoặc đầu gối xuống) .....	100%
5. Mất cả 2 bàn tay hoặc 2 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay và 1 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay và 1 cẳng chân, hoặc 1 bàn tay và 1 cẳng chân, hoặc 1 bàn tay và 1 bàn chân .....	100%
6. Cắt toàn bộ 1 bên phổi và 1 phần phổi bên kia.....	100%
7. Mất hoàn toàn khả năng lao động mà không thể làm bất cứ việc gì (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến tàn tật toàn bộ vĩnh viễn)....	100%

### THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN

#### Chi Trên

#### THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN VĨNH VIỄN

8. Mất 1 cánh tay từ vai xuống (tháo khớp vai).....	80%
9. Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống .....	75%
10. Cắt cụt 1 cánh tay từ khuỷu xuống (tháo khớp khuỷu).....	70%
11. Mất trọn 1 bàn tay hoặc cả 5 ngón tay .....	65%
12. Mất đồng thời cả 4 ngón tay (trừ ngón cái) .....	45%
13. Mất đồng thời cả ngón cái và ngón trỏ .....	40%
14. Mất 3 ngón 3 - 4 - 5 .....	32%
15. Mất ngón cái và 2 ngón khác .....	37%
16. Mất ngón cái và 1 ngón khác .....	32%
17. Mất ngón trỏ và 2 ngón khác .....	37%
18. Mất ngón trỏ và 1 ngón giữa.....	32%
19. Mất trọn ngón cái và đốt bàn .....	27%
- Mất trọn ngón cái .....	22%
- Mất cả đốt ngoài.....	12%
- Mất ½ đốt ngoài .....	8%
20. Mất ngón trỏ và đốt bàn .....	22%
- Mất ngón trỏ.....	20%



- Mất 2 đốt 2 và 3 .....	10%
- Mất đốt 3 .....	9%
21. Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn (cả đốt bàn) .....	20%
- Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn .....	17%
- Mất 2 đốt 2 và 3 .....	10%
- Mất đốt 3 .....	5%
22. Mất cả ngón út và đốt bàn .....	17%
- Mất cả ngón út.....	12%
- Mất 2 đốt 2 và 3 .....	9%
- Mất đốt 3 .....	5%
23. Cứng khớp bả vai .....	30%
24. Cứng khớp khuỷu tay .....	30%
25. Cứng khớp cổ tay .....	30%

#### THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

26. Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3 cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả.....	30%
27. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường... 15%	15%
28. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai.....	30%
29. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	25%
30. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai	40%
31. Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	15%
32. Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	25%
33. Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can xấu, teo cơ .....	25%
34. Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can xấu, teo cơ.....	30%
35. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	12%
36. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	18%
37. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa.....	20%
38. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa.....	25%
39. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	10%
40. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can <u>tốt</u> , cử động bình thường .....	15%
41. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa .....	15%
42. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa.....	20%



43. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương .....	25%
44. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương .....	35%
45. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương .....	15%
46. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương .....	25%
47. Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	10%
48. Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	14%
49. Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay.....	15%
50. Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay .....	18%
51. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	8%
52. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	10%
53. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay.....	12%
54. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay .....	15%
55. Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	10%
56. Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường .....	13%
57. Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay .....	15%
58. Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay .....	18%
59. Gãy xương đốt bàn (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tăng thêm tương ứng 2%) .....	8-16%
60. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	8%
61. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	12%
62. Gãy xương đòn không phẫu thuật, can gỗ, cứng vai .....	18%
63. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can gỗ, cứng vai.....	25%
64. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai.....	30%
65. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai.....	35%
66. Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, không phẫu thuật .....	10%
67. Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, có phẫu thuật.....	15%
68. Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, không phẫu thuật.....	17%
69. Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, có phẫu thuật.....	22%
70. Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, không phẫu thuật .....	30%
71. Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, có phẫu thuật.....	40%
72. Gãy xương ngón tay (tùy mức độ từ 1 đến nhiều ngón, mỗi ngón tăng thêm tương ứng 3%).....	3-12%

### **Chi Dưới**

#### **THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN VĨNH VIỄN**



73. Mất 1 chân từ háng xuống (tháo khớp háng 1 đùi).....	80%
74. Cắt cụt 1 đùi	
- 1/3 trên .....	75%
- 1/3 giữa hoặc dưới.....	65%
75. Cắt cụt 1 chân từ gối xuống (tháo khớp gối).....	65%
76. Tháo khớp cổ chân hoặc mất 1 bàn chân .....	60%
77. Mất xương sên.....	37%
78. Mất xương gót.....	40%
79. Mất đoạn xương chày, mác gây khớp giả cẳng chân .....	40%
80. Mất đoạn xương mác.....	25%
81. Mất mắt cá chân	
- Mắt cá ngoài.....	12%
- Mắt cá trong .....	17%
82. Mất cả 5 ngón chân .....	50%
83. Mất 4 ngón cả ngón cái .....	42%
84. Mất 4 ngón trừ ngón cái .....	40%
85. Mất 3 ngón 3 - 4 - 5.....	27%
86. Mất 3 ngón 1 - 2 - 3.....	32%
87. Mất 1 ngón cái và ngón 2.....	22%
88. Mất 1 ngón cái.....	17%
89. Mất 1 ngón ngoài ngón cái.....	12%
90. Mất 1 đốt ngón cái.....	10%
91. Cứng khớp háng .....	50%
92. Cứng khớp gối.....	35%
93. Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi.....	50%
94. Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi	
- ít nhất 5 cm.....	42%
- từ 3 - 5 cm .....	37%
95. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài .....	40%
96. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong.....	30%

#### THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

97. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường....	20%
--	-----



98. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường.....	30%
99. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, không phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ.....	30%
100. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ.....	40%
101. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng.....	25%
102. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng.....	35%
103. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ.....	35%
104. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ.....	45%
105. Gãy cổ xương đùi, không phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi.....	45%
106. Gãy cổ xương đùi, có phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi.....	55%
107. Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng.....	20%
108. Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng.....	25%
109. Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo.....	25%
110. Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo.....	30%
111. Gãy xương chày, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng.....	15%
112. Gãy xương chày, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng.....	18%
113. Gãy xương chày, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo.....	18%
114. Gãy xương chày, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo.....	22%
115. Gãy đoạn mâm chày, không phẫu thuật.....	15%
116. Gãy đoạn mâm chày, có phẫu thuật.....	25%
117. Gãy xương mác, không phẫu thuật.....	10%
118. Gãy xương mác, có phẫu thuật.....	20%
119. Đứt gân bánh chè, cơ năng khớp gối tốt.....	15%
120. Đứt gân bánh chè, hạn chế cơ năng khớp gối.....	25%
121. Gãy xương bánh chè, không phẫu thuật.....	10%
122. Gãy xương bánh chè, có phẫu thuật.....	20%
123. Gãy xương bánh chè không phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu.....	25%
124. Gãy xương bánh chè có phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu.....	25%
125. Đứt gân Achille, cơ năng vùng gót chân tốt.....	15%
126. Đứt gân Achille, cơ năng vùng gót chân bị hạn chế.....	20%
127. Gãy xương đốt bàn (tùy theo mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%)...7 -	15%
128. Gãy xương gót, không phẫu thuật.....	15%



129. Gãy xương gót, có phẫu thuật .....	20%
130. Gãy xương ngón chân (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%) .....	4 - 12%
131. Gãy ngành ngang xương mu, không dập niệu đạo .....	25%
132. Gãy ngành ngang xương mu, có dập niệu đạo .....	32%
133. Gãy ụ ngồi .....	25%
134. Gãy cánh xương chậu 1 bên, không điều trị chỉnh hình .....	20%
135. Gãy cánh xương chậu 1 bên, có điều trị chỉnh hình .....	30%
136. Gãy xương chậu 2 bên, liền xương tốt, không méo xương chậu .....	40%
137. Gãy xương chậu 2 bên, méo xương chậu ảnh hưởng đến sinh đẻ .....	55%
138. Gãy xương cùng, không phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn .....	10%
139. Gãy xương cùng, có phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn .....	15%
140. Gãy xương cùng, không phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn .....	25%
141. Gãy xương cùng, có phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn .....	35%

### Cột Sống

#### THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN VĨNH VIỄN

142. Cắt bỏ cung sau của 1 đốt sống .....	35%
143. Cắt bỏ cung sau của 2 - 3 đốt sống trở lên .....	50%

#### THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

144. Gãy xẹp thân 1 đốt sống, không phẫu thuật, không liệt tủy .....	30%
145. Gãy xẹp thân 1 đốt sống, có phẫu thuật, không liệt tủy .....	40%
146. Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên, không phẫu thuật, không liệt tủy .....	50%
147. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 1 đốt sống, không phẫu thuật .....	10%
148. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 1 đốt sống, có phẫu thuật .....	17%
149. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 2 - 3 đốt sống, không phẫu thuật .....	25%
150. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 2 - 3 đốt sống, có phẫu thuật .....	45%

### Sọ Não

#### THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN VĨNH VIỄN

151. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính dưới 6 cm .....	30%
152. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính từ 6 đến 10 cm ..	50%
153. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính trên 10 cm .....	60%

154. Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não:

- nói ngọng, nói lắp, nói khó khăn ảnh hưởng đến giao tiếp .....	35%
--	-----



- không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca .....65%
- mất khả năng giao dịch bằng chữ viết, mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Werricke.....60%

#### THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

- 155. Lột da đầu toàn bộ (1 phần theo tỷ lệ) .....50%
- 156. Vết thương sọ não hở, xương bị nứt rạn .....45%
- 157. Vết thương sọ não hở, lún xương sọ .....45%
- 158. Vết thương sọ não hở, nhiều mảnh xương đi sâu vào não .....55%
- 159. Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương), không điều trị phẫu thuật .....20%
- 160. Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương), có điều trị phẫu thuật.....30%
- 161. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, không điều trị phẫu thuật .....30%
- 162. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật .....40%
- 163. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, không điều trị phẫu thuật .....40%
- 164. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật .....50%
- 165. Chấn thương sọ não gây chấn động não .....15%
- 166. Chấn thương sọ não gây phù não.....50%
- 167. Chấn thương sọ não gây giập não, dẹt não .....55%
- 168. Chấn thương sọ não gây chảy máu khoang dưới nhện .....50%
- 169. Chấn thương sọ não gây máu tụ trong sọ (ngoài màng cứng, trong màng cứng, trong não).....40%

#### Lông Ngực

#### THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN VĨNH VIỄN

- 170. Cắt bỏ 1 - 2 xương sườn .....17%
- 171. Cắt bỏ 3 xương sườn (mỗi xương sườn cắt bỏ trên 03 xương sườn tăng thêm 5%).....25%
- 172. Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn (mỗi đoạn xương sườn cắt bỏ thêm tăng 3%) .....8%
- 173. Cắt toàn bộ 1 bên phổi .....75%
- 174. Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên, dung tích sống giảm trên 50%.....70%
- 175. Cắt nhiều thùy phổi ở 1 bên .....55%



176. Cắt 1 thùy phổi..... 40%

#### THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

177. Gãy 1 - 2 xương sườn, không phẫu thuật..... 7%

178. Gãy 1 - 2 xương sườn, có phẫu thuật..... 12%

179. Gãy 3 xương sườn trở lên, không phẫu thuật..... 15%

180. Gãy 3 xương sườn trở lên, có phẫu thuật..... 25%

181. Gãy xương ức đơn thuần, không phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường).... 15%

182. Gãy xương ức đơn thuần, có phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường)..... 25%

183. Mỡ hoặc rạn nứt xương ức..... 12%

184. Trần dịch, khí, máu màng phổi (chỉ chọc hút đơn thuần)..... 8%

185. Trần khí, máu màng phổi (phải dẫn lưu, mổ cầm máu)..... 25%

186. Tổn thương các van tim, vách tim do chấn thương (chưa suy tim)..... 55%

187. Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả hạn chế..... 65%

188. Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả tốt..... 40%

#### Bụng

#### THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN VĨNH VIỄN

189. Cắt toàn bộ dạ dày..... 80%

190. Cắt đoạn dạ dày..... 55%

191. Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m)..... 80%

192. Cắt đoạn ruột non..... 45%

193. Cắt toàn bộ đại tràng..... 80%

194. Cắt đoạn đại tràng..... 55%

195. Cắt bỏ gan phải đơn thuần..... 75%

196. Cắt bỏ gan trái đơn thuần..... 65%

197. Cắt 1/2 của một thùy gan..... 60%

198. Cắt 1/3 của một thùy gan..... 40%

199. Cắt dưới 1/3 của một thùy gan..... 30%

200. Cắt bỏ túi mật..... 50%

201. Cắt bỏ lá lách..... 45%

202. Cắt bỏ đuôi tụy, lách..... 65%

#### THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

203. Khâu lỗ thủng dạ dày..... 30%



204. Khâu lỗ thủng ruột non (có thể 1 hay nhiều lỗ thủng).....	35%
205. Khâu lỗ thủng đại tràng (có thể 1 hay nhiều lỗ thủng).....	35%
206. Đụng dập gan, khâu gan.....	40%
207. Khâu vỡ lách.....	25%
208. Khâu tụy.....	32%

### **Cơ quan tiết niệu, sinh dục**

#### **THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN VĨNH VIỄN**

209. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bình thường.....	55%
210. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bị tổn thương hoặc bệnh lý.....	75%
211. Cắt 1 phần thận trái hoặc phải.....	35%
212. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi chưa con.....	75%
213. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi đã có con rồi.....	60%
214. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người trên 55 tuổi.....	40%
215. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi chưa con.....	65%
216. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi đã có con.....	35%
217. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người trên 45 tuổi.....	27%
218. Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 1 bên.....	25%
219. Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 2 bên.....	50%
220. Cắt vú ở nữ trên 45 tuổi 1 bên.....	17%
221. Cắt vú ở nữ trên 45 tuổi 2 bên.....	35%
222. Cắt 1 phần bàng quang.....	30%

#### **THƯƠNG TẬT TẠM THỜI**

223. Chấn thương thận nhẹ (không phải xử lý đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày).....	6%
224. Chấn thương thận trung bình (phải dùng thuốc đặc trị, theo dõi trên 5 ngày).....	12%
225. Chấn thương thận nặng (có đụng dập, phải can thiệp ngoại khoa).....	50%
226. Mổ thông bàng quang vĩnh viễn.....	75%
227. Khâu lỗ thủng bàng quang (có thể một hay nhiều lỗ thủng).....	32%

### **Mắt**

#### **THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN VĨNH VIỄN**

228. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, không lắp được mắt giả.....	60%
229. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, lắp được mắt giả.....	55%
230. Một mắt thị lực còn đến 1/10.....	37%
231. Một mắt thị lực còn từ 2/10 đến 4/10.....	15%



232. Một mắt thị lực còn từ 5/10 đến 7/10.....	10%
233. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn này đã mất hoặc mù 1 mắt rồi .....	90%

**Tai - Mũi - Họng**

**THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN VĨNH VIỄN**

234. Điếc 2 tai hoàn toàn không phục hồi được.....	80%
235. Điếc 2 tai nặng (nói to hoặc thét vào tai còn nghe).....	65%
236. Điếc 2 tai vừa (nói to 1 - 2 m còn nghe) .....	40%
237. Điếc 2 tai nhẹ (nói to 2 - 4 m còn nghe).....	20%
238. Điếc 1 tai hoàn toàn không phục hồi được.....	35%
239. Điếc 1 tai mức độ vừa .....	15%
240. Điếc 1 tai mức độ nhẹ .....	8%
241. Mất vành tai 2 bên.....	30%
242. Mất vành tai 1 bên.....	15%
243. Sẹo rúm vành tai, chít hẹp ống tai.....	20%
244. Mất mũi hoàn toàn .....	40%
245. Biến dạng mũi .....	18%
246. Vết thương họng sẹo hẹp ảnh hưởng đến nuốt.....	30%

**Răng - Hàm - Mặt**

**THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN VĨNH VIỄN**

247. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cạnh cao trở xuống khác bên .....	85%
248. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cạnh cao trở xuống cùng bên .....	75%
249. Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới .....	75%
250. Mất 1 phần xương hàm trên hoặc 1 phần xương hàm dưới từ $\frac{1}{3}$ đến $\frac{1}{2}$ bị mất từ cạnh cao trở xuống .....	40%
251. Khớp hàm giả do không liền xương hay khuyết xương.....	22%
252. Mất răng trên 8 cái không lắp được răng giả .....	35%
253. Mất răng trên 8 cái lắp được răng giả .....	25%
254. Mất từ 5 đến 7 răng .....	20%
255. Mất từ 3 đến 4 răng .....	10%
256. Mất từ 1 đến 2 răng .....	4%

257. Mất $\frac{3}{4}$ lưỡi còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra).....	80%
258. Mất $\frac{2}{3}$ lưỡi từ đầu lưỡi.....	55%
259. Mất $\frac{1}{3}$ lưỡi ảnh hưởng đến phát âm.....	20%
260. Mất 1 phần nhỏ lưỡi (dưới $\frac{1}{3}$ ) ảnh hưởng đến phát âm.....	10%

#### THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

261. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt.....	20%
262. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt.....	25%
263. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó.....	30%
264. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó.....	35%
265. Gãy xương gò má, cung tiếp xương hàm trên hoặc xương hàm dưới gây rối loạn nhẹ khớp cắn và chức năng nhai.....	20%

#### Vết Thương Phần Mềm – Bỏng

#### THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

266. Vết thương phần mềm (VTPM) là các vết cắt, chém bề rộng dưới 2 cm gây rách da, rách niêm mạc... không ảnh hưởng đến cơ năng, chiều dài:	
- Từ 2 cm – 4 cm.....	2%
- Từ 4 cm – 7 cm.....	3%
- Từ 7 cm – 10 cm.....	4%
- Từ 10 cm – 15 cm.....	5%
- Trên 15 cm.....	7%
267. Vết thương phần mềm là các tổn thương dập nát, không để lại di chứng, diện tích:	
- Dưới 9 cm <sup>2</sup> .....	2%
- Từ 9 cm <sup>2</sup> đến 12 cm <sup>2</sup> .....	3%
- Từ 12 cm <sup>2</sup> đến 16 cm <sup>2</sup> .....	4%
- Từ 16 cm <sup>2</sup> đến 24 cm <sup>2</sup> .....	6%
- Từ 24 cm <sup>2</sup> đến 30 cm <sup>2</sup> .....	8%
- Từ 30 cm <sup>2</sup> đến 35 cm <sup>2</sup> .....	10%
- Trên 35 cm <sup>2</sup> .....	12%
(Nếu các vết thương trên do súc vật gây ra thì cộng thêm 1% vào tỷ lệ ở trên)	
268. Vết thương phần mềm gây bong gân ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai.....	4%



269. Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp bàn ngón tay và bàn ngón chân ..... 2%
270. Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai..... 7%
271. Bỏng nông (độ I, độ II)
- diện tích dưới 5% ..... 4%
  - diện tích từ 5 - 15% ..... 12%
  - diện tích trên 15% ..... 20%
272. Bỏng sâu (độ III, độ IV)
- diện tích dưới 5% ..... 22%
  - diện tích từ 5 - 15% ..... 40%
  - diện tích trên 15% ..... 70%

#### THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN VĨNH VIỄN

273. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại di chứng đau, rát, tê, co, kéo lâu dài sau khi liền vết thương: cộng thêm 5% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.
274. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 ảnh hưởng đến mạch máu lớn, thần kinh: cộng thêm 10% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.
275. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 nhưng là vết thương ở ngực, bụng, sau khi liền vết thương để lại di chứng ảnh hưởng đến hô hấp: cộng thêm 20% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.
276. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại di chứng sẹo cơ cứng làm biến dạng mặt gây trở ngại đến ăn, nhai và cử động cổ: cộng thêm 30% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.
277. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại khuyết hồng lớn ở chung quanh hốc miệng, ảnh hưởng nhiều đến ăn uống: cộng thêm 35% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.
278. Mất 1 phần hàm ếch làm thông giữa mũi và miệng ..... 25%



*h*

*E*

## List of claims documents

### Danh sách hồ sơ bồi thường

1. Prescription or discharge note stating the cause & symptoms / *Toa thuốc hoặc giấy xuất viện ghi rõ nguyên nhân & triệu chứng.*
2. Testing Order / *Giấy chỉ định xét nghiệm.*
3. Invoice for medical expenses/physical damage payable. / *Hóa đơn các chi phí y tế / thiệt hại vật chất phải trả.*
4. Information about the transaction product, including but not limited to the relevant information about the product name, type name, manufacturer, ... / *Thông tin về sản phẩm giao dịch bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin liên quan về tên sản phẩm, tên loại, nhà sản xuất,...*
5. Describe the insured event according to Bao Minh's form of loss notice and insurance claim. (refer Loss Notification & Claim Letter in appendix 3 & 4)/ *Mô tả sự kiện bảo hiểm theo form mẫu giấy thông báo tổn thất và giấy yêu cầu bảo hiểm của Bảo Minh. (tham khảo mẫu Thông báo tổn thất & Yêu cầu bồi thường đính kèm)*
6. Information of the injured person (Full name, ID card/CCCD, address, email). / *Thông tin người bị thương tật (Họ và tên, CMND/CCCD, địa chỉ, email).*
7. Witness information (Full name, ID/CCCD, phone number). / *Thông tin người làm chứng (Họ và tên, CMND/CCCD, số điện thoại).*
8. Other relevant documents such as death certificate, inheritance certificate, injury certificate, etc. / *Các giấy tờ liên quan khác như giấy chứng tử, giấy xác nhận quyền thừa kế, giấy xác nhận thương tật,...* /